TÒA ÁN NHÂN DÂN **Huyện Na Rì - tỉnh Bắc Kạn**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/HS-ST
Ngày 17- 4 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Giảng và bà Bùi Thị Thu
-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Luân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện NR, tỉnh BK.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NR, tỉnh BK tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Đức Biên, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NR, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS, ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Đình N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1995, tại: QP, NR; nơi ĐKHKTT: QL, QP, NR; chỗ ở hiện nay: Thôn NP, xã KL, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Đình H và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên trong một vụ án khác (có mặt).

- *Bị hại:*Anh Lý Đại T, sinh năm 1991; trú tại thôn PK, xã KL, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
+ Ông Lý Đại C, sinh năm 1966; trú tại thôn PK, xã KL, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);
+ Anh Lê Anh C, sinh năm 1980; trú tại tổ 3, Phường PCK, thành phố B K, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 12/4/2017, anh Lý Đại T điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 20F4-9714 (xe mượn của ông Lý Đại C bố đẻ T) đi từ nhà của T lên quán cầm đồ của anh Nông Văn H tại: Tổ nhân dân NĐ, thị trấn YL, huyện NR chơi. Khi đến quán thì anh T nhận được một cuộc điện thoại của Nông Đình

N mời anh T đi uống nước, khi đó N đang ở gần quán Internet của anh Phạm Văn Nam tại: Tổ nhân dân GD, thị trấn YL, huyện NR. Anh T đi xe mô tô từ quán cầm đồ của anh Huỳnh lên đón N, sau đó để N chở anh T đến quán Trà Cung Đình, thuộc tổ nhân dân GD, thị trấn YL, huyện NR. Khi đến quán N và anh T ngồi ở chòi bên trong quán, N gọi 02 cốc trà chanh để uống, ngồi uống nước được khoảng 20 phút, chòi bên cạnh có người quen của anh T mời anh T và N sang giao lưu, uống rượu, được khoảng 15 phút thì N đi ra khỏi chòi và lấy xe của anh T đi đón bạn tên là Hoàng Văn T (trú tại xã LS, huyện NR) xuống chơi với N, N đi xe theo hướng lên xã LS, khi gần đến ngã ba LS thì nhận được một cuộc điện thoại của một người bạn tên là Nam (nhà ở huyện CĐ), rủ N đi ra thành phố Bắc Kạn dự sinh nhật của Nam, nên N không đi đón anh Tấn nữa mà đi xe của anh T đi ra thành phố Bắc Kạn. Khi đến xã Hảo N lúc này khoảng 22 giờ 00 ngày 12/4/2017 N gọi điện thoại cho anh T và nói:*"Em đi ra thành phố Bắc Kạn sinh nhật thằng em, mai em về sớm, giờ em đi đến đèo rồi "*anh T đồng ý. N đi ra thành phố Bắc Kạn gặp Nam và một số người bạn của Nam đang ăn ốc, uống rượu tại quán ven đê thuộc thành phố Bắc Kạn. Sau khi ăn uống xong N mời Nam và những người bạn của Nam đi hát Karaoke, do không có tiền nên N đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của anh T lấy tiền đi hát Karaoke. Khoảng 23 giờ 00 ngày 12/4/2017, N đem xe mô tô của anh T đến nhà của anh Lê Anh C ở tổ 3, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn cầm cố lấy 5.000.000đ (năm triệu đồng), khi cầm cố xe N nói với anh C là xe của bố N, anh C đồng ý và đưa cho N 5.000.000đ (năm triệu đồng) , lấy được tiền N mời Nam và mấy người bạn của Nam đi hát Karaoke hết hơn 2.000.000đ (hai triệu đồng), số tiền còn lại N chơi điện tử và tiêu sài cá nhân hết. Đến sáng ngày 13/4/2017 anh T gọi điện, nhắn tin cho N yêu cầu N lấy xe về trả, N nói dối anh T là đang có việc bận ở ngoài thành phố Bắc Kạn, nên chưa lấy xe về trả cho anh T được và hứa lấy xe về sớm để trả cho anh T, nhưng thực tế N đã đem xe cầm cố với Lê Anh C. Sau đó N đi về nhà mẹ N tại: Thôn NP, xã KL, huyện NR. Một thời gian sau, khi biết anh T đã báo công an, thì N bỏ đi khỏi địa phương.

Ngày 29/8/2017, N bị Cơ quan điều tra Công an huyện PB, tỉnh Thái Nguyên bắt tạm giam về "Tội Cưỡng đoạt tài sản". Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 20F4-9714, sau khi anh C nhận cầm cố không thấy N đến chuộc xe, C đã giao xe cho anh Lăng Thanh Giang trú tại: Tổ 18, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn là người làm công cho anh C sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày.

Ngày 22/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NR đã thu giữ chiếc xe trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 09/KLĐGTS ngày 19/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Na Rì kết luận: Chiếc xe mô tô tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 8.000.000đ (tám triệu đông).

Tại cơ quan điều tra Nông Đình N khai nhận: N có quen biết anh Lý Đại T và có mượn xe mô tô của anh T để ra ngoài thành phố Bắc Kạn sinh nhật bạn,

nhưng khi mượn được xe của anh T, N đã đem xe đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Lời khai của Nông Đình N phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án là 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA DREAM màu sơn: Nâu không biển kiểm soát số khung : WY-176767 số máy HAO5E-016782 xe không có gương chiếu hậu, có 01 chìa khóa; Đăng ký xe mô tô, xe máy số A 0057424, mang tên Lê Đức N. Những vật chứng trên đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lý Đại C.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô N chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lý Đại C, ông C không yêu cầu N bồi thường thiệt hại.

Đối với anh Lê Anh C là người đã nhận cầm cố xe mô tô của Nông Đình N trong ngày 12/4/2017 có yêu cầu N bồi thường số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là số tiền anh C bỏ ra để nhận cầm cố xe mô tô thì N đồng ý nhưng hiện nay chưa thể hiện được việc bồi thường

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-NR ngày 13/3/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện NR, tỉnh Bắc Kạn, truy tố bị cáo về: "Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà: Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX, tuyên bố: Nông Đình N phạm "Tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm h, p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù.

Trong quá trình điều tra, Nông Đình N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người bị hại anh Lý Đại T và người có quyền lợi N vụ liên quan là ông Lý Đại C đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người bị hại đã nhận lại chiếc xe là tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo về phần bồi thường. Người có quyền lợi N vụ liên quan ông Lý Đại C nêu quan điểm: Xe gia đình đã được nhận lại nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan anh Lê Anh C, là người đã nhận cầm cố xe mô tô của Nông Đình N trong ngày 12/4/2017 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, và yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), do anh C không biết là xe N lấy của người khác đi cầm cố, nên đã nhận cầm cố xe mô tô trên cho N.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện NR, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện NR, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.Việc xét xử vắng mặt bị hại và hai người có quyền lợi, N vụ liên quan tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến. Kiểm sát viên nêu quan điểm, việc vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo, vì các đương sự đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ đến phiên tòa và có đơn xin vắng mặt, nên việc vắng mặt có lý do của bị hại, những người có quyền lợi N vụ liên quan không ảnh hưởng việc xét xử bị cáo, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2].Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể, khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/4/2017, N đã lợi dụng sự tin tưởng của anh Lý Đại T hỏi mượn xe mô tô của anh T đi đón bạn, sau đó đã đem xe của anh T đi cầm cố với anh Lê Anh C để lấy 5.000.000,đ (năm triệu đồng) đem tiêu sài cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản số: 09/KLĐGTS ngày 19/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Na Rì kết luận: Chiếc xe mô tô bị cáo cầm cố tại thời điểm bị xâm hại có giá trị 8.000.000đ (tám triệu đông).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, làm mất tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Nông Đình N phạm "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều luật có nội dung: *1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó "..

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Nhân thân: Ngày 22/10/2010, Nông Đình N bị chủ tịch UBND huyện N R áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản và đe dọa lấy tiền của người khác, chấp hành xong ngày 14/01/2013; ngày 19/5/2017, N lại thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản

tại: Xuất Hóa, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, hiện vụ việc đang được các Cơ quan tố tụng thành phố BK điều tra, xử lý; ngày 29/8/2017, N tiếp tục thực hiện hành vi Cưỡng đoạt tài sản tại: NL, PB, tỉnh Thái Nguyên, tại bản án số: 04/2018/HS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo 24 tháng tù giam; bị cáo không có tiền sự, tiền án. Như vậy, bị cáo là người có nhân thân rất xấu.

-Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có các tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1Điều 46/BLHS sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NR tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[5]Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu; bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động không chịu tu dưỡng, rèn luyện do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập và công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Anh Lý Đại T có đơn xin vắng mặt nêu quan điểm: Anh T đã nhận lại chiếc xe mô tô của mình, nay không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo, nên không xét, còn về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lý Đại C có đơn xin vắng mặt nêu quan điểm: Không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Lê Anh C có đơn xin vắng mặt nêu quan điểm: Yêu cầu Nông Đình N hoàn trả lại số tiền 5.000.000,đ (năm triệu đồng) do cầm cố chiếc xe mô tô. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với yêu cầu của anh C, xét thấy có căn cứ cần ghi nhận.

Trong vụ án, anh Lê Anh C là người nhận cầm cố xe mô tô với bị cáo, anh C không biết là xe ô tô do N phạm tội mà có, nên không xem xét xử lý đối với anh C là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Nông Đình N phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

[2] Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 140, điểm p, h khoản 1 Điều 46/BLHS sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Nông Đình N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Lê Anh C là người có quyền lợi liên quan với bị cáo Nông Đình N về việc: Bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh C số tiền 5.000.000,đ (năm triệu đồng) đã cầm cố chiếc xe mô tô.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Th□ờng vụ Quốc hội.

Buộc Nông Đình N phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ; ông Lý Đại C và anh Lê Anh C là người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Thắng

Nơi nhận:
-VKSND huyện(02b);
-TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(01b);
- Người bị hại(01b);
- Người có QLNVLQ(02b);
- THA dân sự(01b);
-THA hình sự(01b);
-Hồ sơ CA huyện(01b);
-Sở Tư pháp tỉnh (01b);
-Lưu hồ sơ vụ án(01b);
-CT phiên toà(01b);
-Lưu TA.